TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/ 2022/HC-PT
Ngày: 12 /4/ 2022
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Nhật** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: **Nguyễn Xuân Thanh**– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 345/2021/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2021 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC- ST ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1364/2022/QĐPT-HC ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1940. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn M, sinh năm 1981. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Thị Thuý K, Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: ông Lê Chí P – phó giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Xin xét xử vắng mặt

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Cùng địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B: Ông Phan Đình H – Trưởng phòng Phòng Tư pháp huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Lê Chí P – Phó giám đốc sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Xin xét xử vắng mặt.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm, các tại liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 22/9/2020, các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ghi ngày 28/9/2020 và ngày 12/10/2020 bản tự khai của ông Nguyễn T và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Tấn M là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Nguồn gốc đất: Ngày 18/3/1993 ông Nguyễn T (cha của ông Nguyễn Tấn M) có mua lại đất và nhà ở của ông Nguyễn P (Nguyễn Văn P) tại xã B, vị trí nhà và đất tiếp giáp Quốc lộ 1A, diện tích đất 780m^2, diện tích nhà 75m^2, loại đất ở (T) đất lưu hạ, thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 10. Đất này ông Nguyễn P đã sử dụng trước 1975 đến khi bán lại cho ông Nguyễn T (có sơ đồ bản vẽ ngày 18/3/1993 do Chủ tịch UBND xã B ký tên, đóng đấu). Sau này, diện tích 780m^2 của ông T đã tách ra thành các thửa số 1517, 1495 và 1485 phân chia cho các con. Phần diện tích đất 780m^2 của ông T, con trai Nguyễn Thanh H đã tự ý làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bất hợp pháp nên ông T yêu cầu UBND huyện B hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và đang chờ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Năm 2017, thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A nên UBND huyện B hoãn lại, chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Riêng thửa đất số 1485 diện tích 248,8m^2, ông T cho con trai là Nguyễn Thanh H thế chấp nhà nước và không có

khả năng trả nợ. Năm 2016, Tòa án nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện B phối hợp với Trung tâm đấu giá tài sản tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tư pháp tỉnh, Công ty TNHH CP Trung tâm thẩm định giá Miền Trung thu hồi, phát mãi lại với giá đất 3.326.000đ/m^2; Ông Nguyễn Tấn M mua lại tổng số tiền 827.494.000đ (Căn cứ Hợp đồng mua bán tài sản bản đấu giá số 60/HĐMBTSBĐG ngày 27/4/2016 giữa ông Nguyễn Tấn M với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

Năm 2017, Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A (đoạn KM 1027-Km 01045+780) tỉnh Quảng Ngãi đoạn qua xã B, ảnh hưởng mặt tiền các thửa đất 1495, 1517 tiếp giáp Quốc lộ 1A của ông T; UBND huyện B đã ban hành các quyết định thu hồi đất của hộ ông Nguyễn T gồm:

Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 thu hồi diện tích 199m^2 đất tại thửa số 1495, loại đất ONT, tờ bản đồ số 03 xã B; Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 thu hồi diện tích 35m^2 đất tại thửa số 1517, loại đất ONT, tờ bản đồ 3 xã B; Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 thu hồi 12m^2 đất tại thửa số 1495, tờ bản đồ số 3 xã B, loại đất (ONT) .

Cả ba diện tích đất thu hồi: 199m^2 + 35m^2 + 12m^2 = 246m^2 cùng một Dự án, cùng một hộ gia đình ông T (đều ở vị trí đất mặt tiền Quốc lộ 1A), phải là vị trí 1, trên đường lưu thông huyết mạch của đất nước; đường AH1 là lộ quốc tế, loại đất ở (ONT) nhưng trong Quyết định bồi thường số 4647/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 và Quyết định số 3125/QĐ- UBND ngày 12/9/2018 xác định là vị trí 8 (vị trí lộ tẻ nông thôn), khu vực 1. Do đó cả hai quyết định bồi thường trên đều định giá đất 500.000đ/m^2 là không hợp lý, không phù hợp với giá thị trường. Thửa đất số 1495 và thửa đất số 1517 cũng cùng vị trí với thửa số 1485 mà ông Nguyễn Tấn M mua lại với giá 3.326.000 đ/m^2 do Công ty cổ phần thẩm định giá Miền Trung thẩm định ngày 27/4/2016. Do đó, giá đất thu hồi đối với diện tích 246m^2 của thửa 1495 và thửa 1517 cũng phải là giá 3.326.000/m^2 mới đúng. Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 4647/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 và Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 18/11/2018 của UBND huyện B bồi thường cho hộ ông T không đúng giá trị loại đất ở vị trí mặt tiền, không đúng với mức giá mà ông Nguyễn Tấn M đã mua lại của nhà nước năm 2016 nên cần hủy bỏ.

UBND tỉnh Quảng Ngãi từ 10 năm qua (từ năm 2009 đến năm 2019), các quyết định điều chỉnh nhưng hệ số giá đất vẫn không đổi, không điều chỉnh giá đất phù hợp giá đất biến động thực tế là trái pháp luật, gồm Quyết định số 61/QĐ-BND ngày 25/12/2009; Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27/10/2010; Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 30/12/2011; Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 27/12/2012; Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 và Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 đều giữ nguyên giá đất 500.000đ/m^2 đoạn phía nam cầu Cháy giáp xã T.

Về phần hỗ trợ bồi thường thiệt hại do cưỡng chế thu hồi đất gây ra: 02 cây xoài cổ thụ của gia đình ông Nguyễn T trên 50 năm tuổi, có chu vi 1,6m và 1,4m là cây ăn trái sinh lợi hàng năm như quán bán nước giải khát và ăn uống; Tiệm

sửa xe Tấn M, buôn bán xe máy cũ dưới tán 2 gốc xoài cổ thụ, địa danh này gọi là "Ngã ba cây Xoài" B, B, Quảng Ngãi (có giấy phép kinh doanh buôn bán). UBND huyện B tiến hành cưỡng chế thu hồi, đền bù 02 gốc cây xoài cổ thụ với giá 500.000đ/mỗi cây là không đúng. Ông T yêu cầu UBND huyện B đền bù 02 gốc xoài cổ thụ với giá 20.000.000đ/mỗi cây; Đền bù thiệt hại 80% thu nhập kinh tế của gia đình ông T trong 3 năm qua bị thiệt hại do ngưng thu hoạch sinh lợi và kinh doanh với giá tiền bồi thường: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu); Yêu cầu UBND huyện B thực hiện tái định cư thêm 01 lô đất đối với diện tích 100m^2 còn lại (sau khi thực hiện cấp lô tái định cư đối với diện tích 240m^2 đất ở bị thu hồi trên thửa 1495 và 1517 của ông T); Yêu cầu UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ cho ông T giá trị đất cho 246m^2 thu hồi thuộc thửa đất 1495 và 1517 với giá: 246m^2 x 3.326.000đ/m^2 = 818.196.000đ.

Trường hợp thu hồi diện tích 246m^2 đất ở ONT trên 2 thửa 1495 và 1517 của ông T thuộc diện được cấp đất tái định cư theo Quyết định số 48/2017/QĐ–UBND ngày 18/8/2017 và Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, UBND huyện B đã thực hiện cấp tái định cư cho ông T 01 lô đất 140m^2 tại thôn T, xã T. Như vậy, UBND huyện B cấp tái định cư chưa đủ diện tích, đất thu hồi của ông T còn dư 106m^2 chưa được cấp tái định cư. Yêu cầu UBND huyện B phải thực hiện cấp đủ diện tích tái định cư cho ông T.

Ông T đã gửi đơn khiếu nại (lần 1) đến Chủ tịch UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2512/QĐ- UBND ngày 03/9/2019 bác toàn bộ yêu cầu của ông T. Trong thời gian ông T đang khiếu nại vụ việc đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thì Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định cưỡng chế số 103/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 là trái pháp luật; Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 18/02/2020, bác toàn bộ đơn khiếu nại của ông T. Các quyết định của UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp và đời sống kinh tế của gia đình ông Nguyễn T nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ; hủy Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn T kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ; hủy Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn T kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ; hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Nguyễn T; hủy Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T; hủy Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của hộ ông Nguyễn T.

Ngày 04/3/2021 ông Nguyễn T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định cưỡng chế số 103/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B vì gia đình ông T đã chấp nhận bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 4647/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện B, cụ thể yêu cầu giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T, xã B, huyện B, cụ thể hủy phần bồi thường về đất số tiền 99.500.000 đồng và bồi thường về cây cối, hoa màu gồm 02 cây xoài trồng hạt đang cho quả có đường kính gốc 1,3m và 1,6m số tiền 1.000.000 đồng/2 cây kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt 9) cho hộ ông Nguyễn T, địa chỉ thôn X, xã B;

- Hủy Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn T, xã B, huyện B kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt 18) cho hộ ông Nguyễn T, địa chỉ xã B, huyện B;

- Hủy Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T, xã B, huyện B kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt 48) cho hộ ông Nguyễn T, địa chỉ xã B;

- Hủy Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T, ở thôn X, xã B, huyện B.

- Hủy Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của hộ ông Nguyễn T (địa chỉ thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi).

Tại văn bản số 3095/UBND ngày 15/12/2020, người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B trình bày:

Hộ ông Nguyễn T đang sử dụng 02 thửa đất: Thửa đất số 1495, tờ bản đồ số 03 (bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 15/12/2017), xã B, diện tích thửa đất 651m^2, diện tích thu hồi 211m^2, loại đất: Đất ở nông thôn (ONT), diện tích còn lại 452m^2, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Nguồn gốc thửa đất do ông bà lưu hạ cho ông Nguyễn Văn P trước năm 1975 để xây dựng nhà ở. Năm 1993 ông P làm giấy bán nhà cho ông Nguyễn T, quá trình sử dụng ổn định không có ai tranh chấp.

Thửa đất 1517, tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 02/7/2018), diện tích thửa đất 186m^2, diện tích thu hồi 35m^2, loại đất: Đất ở nông thôn (ONT), diện tích còn lại 151m^2; Nguồn gốc thửa đất là của ông Nguyễn Văn P quản lý sử dụng trước năm 1975. Năm 1993 ông P chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T sử dụng làm nhà ở ổn định liên tục từ đó đến nay, không tranh chấp, chưa được cấp GCNQSD đất. Thửa đất có đăng ký trong bản đồ 299/TTg, thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 10 diện tích 780m^2, loại đất T , tên đăng ký Nguyễn P.

Về hồ sơ thu hồi đất: UBND huyện B ban hành Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 thu hồi đất của hộ ông Nguyễn T, ở xã B với diện tích thu hồi là 12m^2 , thuộc thửa đất số 1495, tờ bản đồ số 3, loại đất: Đất ở tại nông thôn (ONT).

Về hồ sơ phê duyệt phương án: UBND huyện B ban hành Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ, GPMB và ban hành Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T, xã B, huyện B với tổng số tiền là 6.000.000đ.

Về tái định cư: Hộ ông Nguyễn T đủ điều kiện tái định cư theo khoản 2, Điều 1 Quyết định 73/QĐ-UBND, đã được phê duyệt tái định cư và giao đất tái định cư tại Quyết định số 6261/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện S, đã tổ chức giao đất thực địa và quyết định giao đất tái định cư cho ông Nguyễn T tại biên bản ngày 05/12/2018.

Việc hộ ông Nguyễn T khiếu kiện bồi thường với đơn giá 500.000đ/m^2 là thấp, đề nghị bồi thường giá đất ở 3.326.000đ/m^2 là không có cơ sở xem xét. Vì theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định "Giá đất để tính bồi thường xác định theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất", cụ thể UBND tỉnh ban hành Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, theo quy định này: Đất ở mặt tiền Quốc lộ 1A đoạn từ cầu Cháy đến giáp ranh giới xã T: Vị trí 8, khu vực 1 mức giá 500.000đ/m^2; giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km 1045+780 được UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 02/3/2017; Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017; Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 và Công văn số 690/UBND-CNXD ngày 01/02/2018; Công văn số 768/UBND-CNXD ngày 21/02/2019 thì hệ số điều chỉnh giá đất là 1.0 lần.

Việc yêu cầu bồi thường 100% mái hiên và bồi thường cây xoài đơn giá 500.000đ/cây là thấp, yêu cầu bồi thường 20.000.000đ/cây là không có cơ sở xem xét vì toàn bộ nhà NK7-MH của hộ ông Nguyễn T đã được tính toán bồi thường là đúng quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 và việc bồi thường cho hộ ông Nguyễn T 02 cây xoài trồng hạt, đang cho quả, có đường kính gốc bằng hoặc hơn 45cm với đơn giá 500.000đ/cây là đúng quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017.

Nội dung đề nghị cấp thêm 01 lô đất tái định cư và diện tích thu hồi không đúng thực tế (thiếu 7m^2) là không có cơ sở xem xét. Vì hộ ông Nguyễn T chỉ được xem xét cấp 01 lô đất tại định cư là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 và Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, bởi hộ ông Nguyễn T bị thu hồi diện tích 246m^2, loại đất ONT, diện tích nằm ngoài quy hoạch của 02 thửa đất là 603m^2, hộ ông Nguyễn T có nhà ở nhưng không phải di chuyển chỗ ở. Do đó diện tích đất thu hồi 246m^2 (với tỷ lệ xem xét giao đất tái định cư bằng 50% diện tích đất ở bị thu hồi), diện tích được xem xét giao đất tái định cư của hộ ông Nguyễn T 123m^2 (246m^2 x 50%) lớn hơn 100m^2 nên đảm bảo 1 lô đất tái định cư diện tích 140m^2, vì vậy việc UBND huyện phê duyệt cho hộ ông Nguyễn T 01 lô đất tái định cư là đảm bảo theo quy định.

Về thu hồi đất thiếu diện tích 7m^2 là không đúng vì kết quả đo đạc thực tế với phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất là số liệu trùng khớp với hiện trạng sử dụng.

Từ những nội dung nêu trên UBND huyện nhận thấy việc ban hành Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 12/9/2018; Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 18/11/2017 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T là đảm bảo đúng theo quy định.

Về cưỡng chế thu hồi đất: UBND xã B phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vận động hộ ông Nguyễn T nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên hộ ông Nguyễn T không thống nhất tại biên bản ngày 14/11/2018 và kết quả kiểm tra hồ sơ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đảm bảo theo quy định. Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T, ở xã B là đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Đối với nội dung khiếu nại ghi ngày 04/01/2018 của ông Nguyễn T đã được Chủ tịch UBND huyện thụ lý và thành lập Tổ công tác để thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ thông tin, tài liệu, bằng chứng được thu thập trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại, kết quả làm việc với cơ quan, tổ chức đơn vị, cá nhân có liên quan, Tổ công tác đã có Báo cáo số 123/BC-TCT ngày 24/6/2019 và Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T, ở xã B. Do đó, việc khiếu nại của ông Nguyễn T đã được Chủ tịch UBND huyện xem xét quyền lợi và đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

Tại văn bản số 6029/UBND–NC ngày 03/12/2020 người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Về đơn giá đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ: Thửa đất số 1495, diện tích 651m^2 và thửa đất số 1517, diện tích 186m^2, đều thuộc tờ bản đồ số 3, xã B của hộ ông Nguyễn T bị ảnh hưởng bởi Dự án có vị trí: nằm trên mặt tiền Quốc lộ 1, trong đoạn từ cầu Cháy đến giáp ranh giới T, huyện S. Căn cứ theo quy định tại

điểm b Mục 2 Bảng giá số 2 ban hành kèm theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019), thì thửa đất của hộ ông Nguyễn T thuộc Vị trí 8, Khu vực 1 (đơn giá 500.000đ/m^2) và hệ số điều chỉnh giá đất 1,0 lần (theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh) và Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất cho phép UBND huyện B tiếp tục áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh trong năm 2018 tại Công văn số 690/UBND-CNXD ngày 02/02/2018.

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất cho thấy, việc xác định giá đất cụ thể để tính toán bồi thường khi thu hồi đất được thực hiện theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất; trình tự, thủ tục thực hiện và thẩm quyền phê duyệt cơ bản đầy đủ và đúng với quy định pháp luật. Như vậy, khiếu nại của ông Nguyễn T là không có căn cứ pháp lý để xem xét giải quyết.

Đơn giá tính toán bồi thường 02 cây xoài với mức 500.000đ/cây là quá thấp, yêu cầu bồi thường 20.000.000đ/cây:

Hai cây xoài của hộ ông Nguyễn T bị ảnh hưởng bởi Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1 đang cho quả, 01 cây có đường kính gốc 1,3m và 01 cây có đường kính gốc 1,6m. Căn cứ theo quy định tại tiết b.2 điểm b khoản 2 Điều 4 quy định mật độ và đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì: Xoài hạt, đã cho quả, có đường kính gốc bằng hoặc lớn hơn 45cm bồi thường theo đơn giá 500.000đ/cây. Như vậy việc áp giá tính toán bồi thường 02 cây xoài cho hộ ông Nguyễn T là đúng quy định pháp luật, việc ông T yêu cầu bồi thường 20.000.000đ/cây là không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết.

Yêu cầu bồi thường 100% mái hiên vì khi thực hiện dự án đã cắt xén một phần, phần còn lại tuy không ảnh hưởng dự án nhưng làm ảnh hưởng đến cấu trúc mái hiên của ngôi nhà và đến việc buôn bán của ông:

Theo kết quả kiểm kê có xác nhận của chủ hộ thì nhà của hộ ông Nguyễn T gồm có 04 nhà NK7-MH, đã được UBND huyện B tính toán bồi thường đầy đủ 4 nhà NK7-MH với tổng diện tích 171,69m^2 *(kể cả trong và ngoài vạch giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án)*; công trình, vật kiến trúc tiếp giáp còn lại là các ngôi nhà cấp IV đều nằm ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng.

Do đó, yêu cầu của ông T trên thực tế đã được giải quyết đầy đủ ngay từ đầu trong Quyết định số 4674/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện B. Nay ông tiếp tục phát sinh là trùng lắp nội dung, không có cơ sở pháp lý để giải quyết.

Việc hỗ trợ ngừng sản xuất kinh doanh chỉ 2.600.000đ/3 tháng là không đủ sinh hoạt cho gia đình, đề nghị hỗ trợ ngừng sản xuất kinh doanh cho gia đình ông 100.000.000đ/10 năm:

Tại thời điểm thu hồi đất, trên phần đất của ông Nguyễn T có 03 người đang kinh doanh, buôn bán, gồm: ông Nguyễn Tấn M *(con trai ông Nguyễn T)* mua bán xe máy cũ; bà Nguyễn Thị Xuân T *(con gái ông Nguyễn T)* bán nước giải khát và ông Nguyễn Văn H *(cháu ông Nguyễn T)* bán cháo lươn. Nội dung này được ông T kê khai tại biên bản làm việc ngày 19/4/2019, được UBND xã B xác nhận tại Công văn số 35/UBND ngày 02/5/2019. Thực tế, UBND huyện B có Quyết định số 2797/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 hỗ trợ ngừng sản xuất kinh doanh với mức 2.600.000đ đối với bà Nguyễn Thị Xuân T; bên cạnh đó, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 và Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 hỗ trợ ngừng sản xuất kinh doanh cho ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Tấn M, mỗi người với số tiền 2.600.000đ.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 22 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì việc tính toán giải quyết hỗ trợ như trên của UBND huyện B là có căn cứ pháp lý, phù hợp thực tiễn, thậm chí đã xem xét theo hướng có lợi hơn cho những hộ này *(vì điều kiện là phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)*. Do đó, ông Nguyễn T yêu cầu hỗ trợ mức 100.000.000đ/10 năm là không có cơ sở pháp lý và thực tiễn để xem xét giải quyết.

Việc Nhà nước thu hồi 234m^2 nhưng chỉ được cấp 01 lô tái định cư 140m^2 là không hợp lý, yêu cầu cấp thêm 01 lô đất tái định cư:

Thửa đất số 1495, tờ bản đồ số 3, xã B *(bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 03/8/2017)* của ông Nguyễn T có diện tích 651m^2, loại đất ONT, bị thu hồi 199m^2 để thực hiện Dự án; diện tích đất của hộ ông Nguyễn T còn lại là 452m^2.

Thửa đất số 1517, tờ bản đồ số 3, xã B *(bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 03/8/2017)* của ông Nguyễn T có diện tích 186m^2, loại đất ONT, bị thu hồi 35m^2 để thực hiện Dự án; diện tích đất của hộ ông Nguyễn T còn lại là 151m^2.

Như vậy sau khi thu hồi đất, tổng diện tích đất còn lại tại 02 thửa đất của hộ ông Nguyễn T là 603m^2; hộ ông Nguyễn T không thuộc trường hợp phải dịch chuyển hay di chuyển chỗ ở nên không đủ điều kiện để cấp đất tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Xét tổng diện tích đất ở bị thu hồi là 234m^2, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh sửa đổi Điều 31 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (ban hành kèm theo

Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh), UBND huyện B đã phê duyệt phương án tái định cư và hộ ông Nguyễn T đã được giao 01 lô tái định cư tại Khu tái định cư T, xã T, huyện S, với diện tích 140m^2 *(thửa đất số 717, tờ bản đồ địa chính số 9, xã T "Lô số 6-Khu A", theo Quyết định số 6261/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện S)*. Như vậy, diện tích đất ở được tính để xét giao thêm đất tái định cư nhỏ hơn 100m^2 nên không đủ điều kiện để được giao thêm 01 lô tái định cư thứ hai theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh. Do vậy, việc ông Nguyễn T yêu cầu cấp 02 lô đất tái định cư là không có căn cứ pháp lý để xem xét giải quyết. Đối với đề nghị hoán đổi lô đất tái định cư của hộ ông T là nội dung mới phát sinh, Chủ tịch UBND tỉnh đã có văn bản đề nghị Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh và UBND huyện B xem xét giải quyết theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của hộ ông Nguyễn T là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của hộ ông Nguyễn T hiện nay là không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

Tại văn bản số 384/UBND ngày 14/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B trình bày:

Nguồn gốc quá trình quản lý sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn T đang sử dụng 02 thửa đất: Thửa đất số 1495, tờ bản đồ số 3 *(bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 15/12/2017)*, diện tích thửa đất 651m^2, diện tích thu hồi 211m^2, loại đất ở nông thôn (ONT), diện tích còn lại 452m^2, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất là của ông bà để lại cho ông Nguyễn Văn P trước năm 1975 để xây dựng nhà ở, năm 1993 ông P làm giấy bán nhà cho ông Nguyễn T, quá trình sử dụng ổn định không ai tranh chấp.

Thửa đất 1517, tờ bản đồ số 03 *(bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 02/7/2018)*, diện tích thửa đất 186m^2, diện tích thu hồi 35m^2, loại đất ở nông thôn (ONT), diện tích còn lại 151m^2. Nguồn gốc thửa đất là của ông Nguyễn Văn P quản lý sử dụng trước năm 1975, năm 1993 ông P chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T sử dụng làm nhà ở ổn định liên tục từ đó đến nay, không tranh chấp, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất có đăng ký trong bản đồ 299/TTg, thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 10, diện tích 780m^2, loại đất T, tên đăng ký Nguyễn P.

Tại văn bản số 1589/BQL-QLDA3 ngày 09/8/2021, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi thống nhất nội dung bổ sung Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do có đương sự vắng mặt nên không tiến hành đối thoại được; người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện; người bị kiện vẫn giữ nguyên Quyết định bồi thường, hỗ trợ và Quyết định giải quyết khiếu nại nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Nguyễn T: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

Với những nội dung đã xác định nêu trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 20/2021/HC- ST ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 157, Điều 158, khoản 1, 2 Điều 173, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 79, Điều 83, Điều 86, Điều 88, Điều 90, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 18, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 37, 38, và Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 5, các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T, ở xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T, xã B, huyện B, cụ thể hủy phần bồi thường về đất số tiền 99.500.000 đồng và bồi thường về cây cối, hoa màu gồm 02 cây xoài trồng hạt đang cho quả có đường kính gốc 1,3m và 1,6m số tiền 1.000.000 đồng/2 cây kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi

thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt 9) cho hộ ông Nguyễn T, địa chỉ thôn X, xã B;

- Hủy Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn T, xã B, huyện B kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt 18) cho hộ ông Nguyễn T, địa chỉ xã B, huyện B;

- Hủy Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T, xã B, huyện B kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt 48) cho hộ ông Nguyễn T, địa chỉ xã B;

- Hủy Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T, ở thôn X, xã B, huyện B.

- Hủy Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của hộ ông Nguyễn T (địa chỉ thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2021 ông Nguyễn T kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông T cho rằng Bản án sơ thẩm tuyên xử không đúng pháp luật làm thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, do vậy ông T yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Nguyễn Tấn M đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn T giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T, Luật sư Lê Thị Thuý Kiều cho rằng quá trình giải quyết đã vi phạm trình tự, thủ tục do Luật khiếu nại quy định, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng một số quy định của pháp Luật đất đai để sửa Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên Toà phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên toà. Xét kháng cáo của ông Nguyễn T, xét thấy:

[1]. Thửa đất số 68 tờ bản đồ số 10 do ông Nguyễn T nhận chuyển nhượng nhà đất của ông Nguyễn P (Nguyễn Văn P) từ năm 1993, thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ ông Nguyễn T, năm 2017 nhằm để thực hiện Dự án mở rộng nâng cấp đường Quốc lộ IA, đoạn Km1027-1045+780, đi qua xã Hiệp Bình, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. UBND huyện B đã ban hành một số quyết định thu hồi đất liên quan các thửa đất nêu trên để thực hiện Dự án, đối với các Quyết định về thu hồi đất, ông T không có yêu cầu, đối với Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B *"về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T"* do ông T rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử, ông T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét hủy một phần đối với 03 Quyết định liên quan việc bồi thường và 02 Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

[2]. Xem xét các Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 29/12/2017, Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 và Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND huyện B có liên quan việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T. Xem xét các nội dung khởi kiện của ông T xét thấy, về đơn giá bồi thường đất: Việc ông T cho rằng anh Nguyễn T M con trai của ông mua đấu giá đất tại vị trí nêu trên có giá 3.326.000 đồng/m^2 để cho rằng giá bồi thường của nhà nước 500.000 đồng/m^2 thấp, là không đúng, bởi lẽ, anh Nguyễn T M tham gia quan hệ dân sự mua bán tài sản theo đấu giá, không so sánh với các quy định của pháp luật trong việc Nhà nước thu hồi đất để phục vụ vì lợi ích của quốc gia, lợi ích công cộng. Tại Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về giá đất thời kỳ 2015-2019 và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về áp dụng hệ số điều chỉnh cho năm 2018. Các quyết định nói trên ban hành đúng trình tự, thủ tục và quy định tại Điều 114 Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ . Trong quá trình thu hồi đất theo Dự án mở rộng nâng cấp đường Quốc lộ IA và thực hiện việc bồi thường, UBND huyện B đã áp dụng các quyết định nói trên để bồi thường khi thu hồi đất cho toàn bộ dự án nói chung và trường hợp của ông T nói riêng là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Đối với 02 cây xoài đã ra quả có đường kính 1,3 và 1,6m, ông T yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng/cây. Xét thấy, tại Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đang có hiệu lực pháp luật thì đơn giá cây xoài có đường kính trên 45cm, có giá là 500.000 đồng/cây, việc bồi thường cây cối trên đất bị thu hồi là phải tuân thủ theo đúng quy định của nhà nước, do vậy UBND huyện B không chấp nhận bồi thường theo giá ông đưa ra là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Đối với yêu cầu cấp đất tái định cư, ông T cho rằng thu hồi của ông T có diện tích 246 m^2 đất ở nhưng chỉ giao cho ông một lô đất tái định cư có diện tích 140 m^2 là không đủ diện tích so với diện tích đất đã thu hồi, xét thấy tại 03 thửa đất có liên quan Dự án, việc thu hồi thì sau khi bị thu hồi, diện tích thửa đất nào còn lại cũng còn đủ điều kiện để tái định cư tại chỗ, không phải di chuyển chỗ ở. Theo quy định tại Điều 79 Luật đất đai năm 2013 thì trường hợp của ông T không được cấp đất tái định cư, tuy nhiên UBND huyện B đã căn cứ Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về điều kiện để giao đất tái định cư, đã giao cho ông T 01 lô đất có diện tích 140 m^2 là phù hợp quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Việc ông T cho rằng diện tích lô đất giao chưa ngang bằng diện tích đất nhà nước thu hồi và yêu cầu được giao thêm 01 lô đất tái định cư là không đúng quy định của pháp luật.

[5]. Đối với yêu cầu hỗ trợ do ngưng sản xuất kinh doanh ảnh hưởng do thu hồi đất, ông T yêu cầu hỗ trợ 100.000.000 đồng, xét thấy, UBND huyện đã căn cứ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 để hỗ trợ cho những người bị ảnh hưởng, anh Nguyễn Tấn M, chị Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Văn H với mức 2.600.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật. Yêu cầu của ông T không có cơ sở để chấp nhận.

[6]. Xem xét các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, xét thấy, Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 giải quyết khiếu nại lần đầu cho ông Nguyễn T và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định số 215/QĐ-UB ngày 18/02/2020 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xem xét về nội dung là phù hợp, đúng với các quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, xét thấy, tại Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu huỷ 03 Quyết định liên quan bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và 02 Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[7]. Đối với phần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T và án phí sơ thẩm tại Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[8]. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn T là đối tượng người già nên xét miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 20/2021/HC- ST ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Luật Tố tụng hành chính; Điều 79, Điều 83, Điều 86, Điều 88, Điều 90, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 18, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 37, 38, và Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 5, các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T, ở xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T, xã B, huyện B, cụ thể hủy phần bồi thường về đất số tiền 99.500.000 đồng và bồi thường về cây cối, hoa màu gồm 02 cây xoài trồng hạt đang cho quả có đường kính gốc 1,3m và 1,6m số tiền 1.000.000 đồng/2 cây kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt 9) cho hộ ông Nguyễn T, địa chỉ thôn X, xã B;

- Hủy Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn T, xã B, huyện B kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt 18) cho hộ ông Nguyễn T, địa chỉ xã B, huyện B;

- Hủy Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T, xã B, huyện B kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt 48) cho hộ ông Nguyễn T, địa chỉ xã B;

- Hủy Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T, ở thôn X, xã B, huyện B.

- Hủy Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của hộ ông Nguyễn T (địa chỉ thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi).

3/. Về án phí sơ thẩm: Giữ nguyên theo Quyết định của Bản án sơ thẩm.

4/.Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn T được miễn.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trương Công Thi